

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 89/2024/HS-ST
Ngày: 18-12-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Cường.

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2024/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

-Họ và tên: Nguyễn Quốc V - sinh năm 1984; nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số A đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Cao Thị H, sinh năm 1960. Vợ tên Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1984, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 8/12/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử 03 năm tù tội giao cầu với trẻ em bản án số 91/2006/HSST (đã chấp hành xong).

Ngày 22/3/2018 bị Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Long phạt số tiền 3.000.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2024 đến ngày 06/6/2024 được cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Quốc V: Ông Dương Văn H2 – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Bá T – Đoàn luật sư tỉnh V. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trương Thanh H3, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: Số B khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Nguyễn Trọng Y, sinh năm 1993. (có mặt).

Nơi cư trú: Số A đường L, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Huỳnh Thị Hồng H4, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Số A khóm D, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Huỳnh Thị Thu T1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số F khóm A, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Huỳnh Ngọc Y1, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A, tổ A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

6. Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

7. Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1982 (vắng mặt).

8. Nguyễn Huy V1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số A đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

9. Lưu Tổ P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

10. Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1984. (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A đường N, khóm A, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiếp nhận nguồn tin về tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự do chị Huỳnh Ngọc Y1 và anh Trương Thanh H3 đến trình báo Nguyễn Quốc V đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất giao động từ 20% đến 30%/tháng. Ngày 12/3/2024, chị Huỳnh Ngọc Y1 đến nhà Nguyễn Quốc V để trả số tiền nợ theo thỏa thuận thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiến hành bắt quả tang V về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của V thu giữ số tiền 30.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax đang sử dụng, bên trong có sim thuê bao số 0981038638 cùng nhiều tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của V. Vào ngày 14/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V để giải quyết theo thẩm quyền.

Bản thân Nguyễn Quốc V thực hiện hành vi cho vay tính lãi từ tháng 07/2022 đến khi bị phát hiện với mức lãi suất giao động từ 0,6% đến 1%/ngày tương đương mức lãi suất là 219%/năm đến 365%/năm, gấp từ 10,95 lần đến 18,25 lần mức lãi suất được quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự (theo quy định bên vay và bên cho vay có thỏa thuận về lãi suất nhưng không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm đối với tổng số tiền vay). Bị cáo V cho vay với hình thức góp lãi theo ngày (góp lãi đến khi trả tiền gốc thì ngưng góp lãi) và hình thức góp tiền lãi và tiền gốc theo ngày, không thu phí vay. Bị cáo V yêu cầu người vay phải viết giấy vay tiền để V cất giữ, tiền lãi thì V thỏa thuận với người vay sẽ góp hàng ngày hoặc 03 đến 07 ngày sẽ góp một lần thông qua nhận tiền mặt tại nhà V hoặc thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng do V đăng ký lập tại Ngân hàng B chi nhánh V2, số tài khoản là 73010001615994. Tiền gốc được V giao trực tiếp bằng tiền mặt hoặc thực hiện chuyển khoản cho người vay, người vay thực hiện trả tiền gốc vay cho V thông qua trả tiền mặt hoặc chuyển khoản, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội V sử dụng số điện thoại 0981038638 để liên lạc với những người vay.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với các cá nhân đã vay tiền của V như sau:

1. Trương Thanh H3, sinh năm 1992, ngụ: Số B, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long:

Vào tháng 7/2022 do cần tiền làm vốn kinh doanh nên H3 đã đến gặp Nguyễn Trọng Y nhờ Y đến nhà của V để vay 02 lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng (ngày 08/7/2022 là 50.000.000 đồng; ngày 09/7/2022 là 50.000.000 đồng). Vay với hình thức góp lãi theo ngày với mức lãi suất là 1%/ngày, số tiền lãi góp theo ngày là 1.000.000 đồng, H3 thực hiện góp tiền lãi cho V thông qua chuyển khoản ngân hàng. Cụ thể từ ngày 14/7/2022 đến ngày 20/12/2022 H3 đã trực tiếp chuyển tiền và nhờ Nguyễn Trọng Y, Huỳnh Ngọc Y1 chuyển qua V với tổng số tiền là 154.500.000 đồng. Sau ngày 20/12/2022, H3 mất khả năng chi trả nên đã rời khỏi địa phương và không liên lạc với V nữa. Bị can V đã thu tổng số tiền lãi là 154.500.000 đồng cho 154,5 ngày vay, số tiền lãi được phép thu theo quy định là 8.465.754 đồng (20% tổng số tiền vay), tiền lãi thu vượt bất hợp pháp là 146.034.246 đồng. V thu lợi bất chính số tiền là 146.034.246 đồng, đến nay H3 chưa thanh toán số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Qua sự việc trên H3 yêu cầu V hoàn trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định là 146.034.246 đồng.

2. Nguyễn Trọng Y, sinh năm 1993, ngụ: Số A, đường L, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Trọng Y không thực hiện vay tiền của V, sau khi H3 mất khả năng chi trả thì V đi cùng Y nhiều lần đến nhà H3 để yêu cầu trả nợ nhưng không gặp được H3. Do Y giới thiệu H3 vay tiền của V nên V yêu cầu Y phải có trách nhiệm trả lại số tiền H3 còn nợ (bao gồm tiền gốc vay và tiền lãi phát sinh thêm).

Nguyễn Trọng Y đồng ý thỏa thuận với V là sẽ trả dần số nợ, V yêu cầu Y phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và khoản lãi phát sinh là 40.000.000 đồng, Y đồng ý thực hiện trả góp dần cho V tổng số tiền là 140.000.000 đồng, phương thức thanh toán là trả tiền mặt và chuyển khoản ngân hàng, mỗi tháng Y phải trả cho V số tiền là 9.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận thì Y đồng ý trả cho V trước số tiền là 20.000.000 đồng bằng tiền mặt, số tiền còn lại Y đã chuyển khoản cho V từ ngày 01/3/2024 đến thời điểm V bị bắt là 99.000.000 đồng, nên Y còn nợ V số tiền là 21.000.000 đồng, khi thực hiện trả tiền cho V thì Y có nói cho H3 biết nhưng do H3 không có khả năng chi trả nên nhờ trả thay và hứa hẹn sẽ trả lại cho Y. Như vậy, tổng số tiền Y trả cho V là 119.000.000đ (gồm tiền lãi và tiền gốc). Số tiền lãi V muốn đạt được đối với khoản vay của H3 từ ngày 20/12/2022 đến ngày 01/3/2022 là 40.000.000 đồng cho thời hạn vay 72 ngày, lãi suất ngày là 0,55%/ngày tương đương lãi suất năm là 203%, số tiền lãi được thu theo quy định là 3.945.205 đồng, số tiền lãi vượt quy định là 36.054.795 đồng.

V mong muốn thu được số tiền bất hợp pháp từ Y nhưng vì hành vi phạm tội bị phát hiện nên V không thu được số tiền nêu trên, trường hợp này V phạm tội chưa đạt. Thực tế V đã thu số tiền lãi từ Nguyễn Trọng Y là 19.000.000 đồng, số tiền lãi thu hợp pháp là 1.873.973 đồng, số tiền lãi thu bất hợp pháp là 17.126.027 đồng. Căn cứ kết quả điều tra có đủ cơ sở kết luận số tiền V thực tế thu lợi bất hợp pháp từ Y là 17.126.027 đồng.

Qua làm việc bị can V và Y trình bày phù hợp với kết quả điều tra nêu trên, hiện Y yêu cầu V và H3 phải có trách nhiệm hoàn trả tiền theo quy định của pháp luật, cụ thể H3 phải trả cho Y số tiền là 100.000.000 đồng, V phải trả cho Y số tiền là 17.126.027 đồng.

3. Huỳnh Thị Hồng H4, sinh năm 1981, ngụ: Số A, khóm D, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Vào ngày 01/5/2023, H4 vay của V số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất là 1%/ngày, số tiền góp hàng ngày là 300.000 đồng, hình thức góp thông qua chuyển khoản vào tài khoản của V, đến ngày 10/5/2023 Huế chuyển khoản cho V số tiền là 3.000.000 đồng cho 10 ngày lãi. Đến ngày 11/5/2023 chuyển trả tiền gốc cho V số tiền là 20.000.000 đồng, H4 tiếp tục góp lãi 17 ngày tương đương số tiền góp là 1.700.000 đồng, ngày 30/5/2023 H4 tiếp tục vay thêm của V số tiền là 20.000.000 đồng nâng số tiền vay lên 30.000.000 đồng, góp lãi mỗi ngày 300.000 đồng. Huế góp lãi cho V đến ngày 20/8/2023 thì hết khả năng chi trả nên Huế xin thỏa thuận với V sẽ thực hiện trả dần tiền vay mỗi tháng là 3.000.000 đồng, V đồng ý nhưng yêu cầu H4 phải trả thêm số tiền là 10.000.000 đồng nâng số tiền nợ gốc lên 40.000.000 đồng, tính tới thời điểm bị phát hiện thì H4 đã trả cho V được số tiền là 6.000.000 đồng còn nợ số tiền là 34.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền V cho H4 vay là 50.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 26.000.000 đồng, số tiền thu lãi vượt, thu lợi bất chính là 24.575.342 đồng, số tiền lãi thu hợp pháp là 1.424.658 đồng.

Đối với số tiền V yêu cầu H4 trả thêm 10.000.000 đồng thì không thể xác định được thời gian phát sinh lãi suất và hiện Huế chỉ góp được 6.000.000 đồng nên không có căn cứ xác định rõ tiền gốc và tiền lãi. Qua làm việc thì V và H4 thống nhất số tiền 6.000.000 đồng là tiền gốc vay. Như vậy, có căn cứ xác định Huế hiện còn nợ V số tiền gốc là 24.000.000 đồng. Huế yêu cầu V trả lại số tiền thu lợi bất chính là 24.575.342 đồng.

4. Huỳnh Thị Thu T1, sinh năm 1976, ngụ: Số F, khóm A, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 19/5/2023 chị T1 vay của V số tiền là 50.000.000 đồng, với lãi suất 0,7%/ngày tương đương mức lãi suất 255,5% trên năm, góp lãi thông qua hình thức chuyển khoản đến tài khoản Ngân hàng B của V, mỗi ngày T1 góp lãi cho V số tiền là 350.000 đồng, góp được 51 ngày với số tiền là 17.850.000 đồng, ngày 09/7/2023 T1 tiếp tục vay của V thêm số tiền là 50.000.000 đồng nâng số tiền nợ lên 100.000.000 đồng, V thu lãi suất 0,6%/ngày tương đương mức lãi suất 219%/năm, góp lãi mỗi ngày là 600.000 đồng, T1 góp được 110,5 ngày với số tiền góp là 66.300.000 đồng, ngày 10/11/2023 T1 tiếp tục vay của V thêm 50.000.000 đồng nâng số tiền nợ lên 150.000.000 đồng, lãi suất ngày là 0,6%, lãi góp hàng ngày là 900.000 đồng, tổng số ngày góp lãi là 103 ngày với số tiền là 92.700.000 đồng. Như vậy tổng số tiền T1 vay của V là 150.000.000 đồng, số tiền lãi đã góp là 176.850.000 đồng, số tiền V thu lãi hợp pháp là 15.917.808 đồng, số tiền V thu vượt là 160.932.192 đồng. Hiện T1 còn nợ V số tiền là 150.000.000 đồng, T1 yêu cầu V phải hoàn trả số tiền đã thu lợi bất chính là 160.932.192 đồng.

5. Huỳnh Ngọc Y1, sinh năm 1995, ngụ: Số A, tổ A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 10/12/2023, do cần vốn kinh doanh nên Y1 nhờ Nguyễn Trọng Y để liên hệ vay của V số tiền là 25.000.000 đồng, hình thức vay có thời hạn là 30 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, hoàn thành dây vay sẽ góp tổng số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất góp là 0,7%/ ngày tương đương lãi suất năm là 255,5%/năm, dây vay này Y1 đã hoàn thành việc góp, đến ngày 18/12/2023 Y1 tiếp tục vay của V số tiền là 100.000.000 đồng với lãi suất là 0,8%/ngày, góp ngày 800.000 đồng, dây vay này Y1 chưa thực hiện việc góp tiền lãi cho V. Đến ngày 08/01/2024 Y1 tiếp tục vay của V số tiền là 25.000.000 đồng, hình thức góp 30 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, lãi suất là 0,7%/ngày, hoàn thành dây vay sẽ góp số tiền là 30.000.000 đồng, Y1 góp được 26 ngày, còn nợ 04 ngày góp với số tiền là 4.000.000 đồng. Ngày 26/01/2024 Y1 tiếp tục vay của V số tiền là 30.000.000 đồng hình thức góp lãi, ngày 250.000 đồng tương đương mức lãi suất ngày là 0,8%, lãi suất năm là 292%/năm, lần vay này thì Y1 chưa thực hiện góp lãi. Ngày 06/02/2024, Y1 và V chốt số tiền còn nợ để tiến hành thanh toán, cụ thể Y1 còn 4.000.000 đồng (tiền lãi và tiền gốc) đối với dây vay ngày 08/01/2024, dây vay ngày 18/12/2023 nợ 40 ngày lãi với số tiền là 32.000.000 đồng, dây vay ngày

26/01/2024 nợ 10 ngày lãi là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi và gốc Y1 nợ V là 38.500.000 đồng, lúc này V yêu cầu Y1 phải trả hết một lần số tiền nợ nêu trên nhưng Y1 không có khả năng chi trả nên xin V trả dần. V không đồng ý mà yêu cầu Y1 phải cộng dồn số tiền còn thiếu vào khoản nợ gốc, V đưa cho Y1 1.500.000 đồng tiền mặt để làm chẵn số tiền nợ thành 40.000.000 đồng, nâng số gốc phải góp lãi từ 130.000.000 đồng lên 170.000.000 đồng, Y1 phải trả lãi mỗi ngày là 1.700.000 đồng tương đương lãi suất 1%/ngày. Y1 đồng ý theo thỏa thuận trên, đến ngày 07/02/2024 V thay đổi nội dung thỏa thuận với Y1 buộc Y1 phải trả một lần số tiền 170.000.000 đồng, do không có tiền trả cho V nên Y1 có viết giấy nợ cam kết sẽ trả hết số tiền nợ trong 05 lần, thời hạn trước ngày 30/5/2024, sau khi viết giấy nợ xong thì Y1 đưa giấy nợ cho V giữ. Sau đó, thì Y1 và V phát sinh mâu thuẫn về số lần trả nợ nên Y1 đã đến Cơ quan điều tra để tố cáo hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Quốc V. Kết quả điều tra có đủ căn cứ kết luận Y1 vay của V 05 lần với tổng số tiền là 181.500.000 đồng, đã trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, còn nợ số tiền là 131.500.000 đồng. Số tiền V yêu cầu Y1 trả để V thu lợi bất chính là 47.283.562 đồng (trong đó tiền thực thu là 12.400.000 đồng lãi hợp pháp 1.205.480 đồng, lãi bất hợp pháp 11.194.520 đồng, số tiền V chưa nhận được là 32.755.708 đồng. Mặc dù số tiền bất hợp pháp bị can V thu thực tế dưới 30.000.000 đồng nhưng V muốn thu lợi bất chính số tiền là 47.283.562 đồng nên hành vi của V đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm cho vay lãi nặng.

6. Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1985, ngụ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Khoảng tháng 01/2024, Q vay của V số tiền là 30.000.000 đồng, góp lãi ngày 300.000 đồng (lãi suất 1%/ngày) tương đương lãi suất 365%/năm, hình thức góp lãi là gửi tiền mặt, Q đưa tiền cho bạn tên Nguyễn Thị Minh K đến nhà V để góp lãi, góp được 20 ngày tương đương số tiền lãi góp là 6.000.000 đồng, sau đó Q trả cho V số tiền gốc vay là 15.000.000 đồng, đến ngày 7/02/2024 Q vay của V thêm 25.000.000 đồng, nâng số tiền vay lên thành 40.000.000 đồng, góp được 06 ngày với số tiền là 2.400.000 đồng. Đến ngày 12/02/2024 Q tiếp tục vay V số tiền là 10.000.000 đồng nâng số tiền vay lên 50.000.000 đồng, ngày góp 500.000 đồng, góp 29 ngày với số tiền lãi là 14.500.000 đồng. Hiện còn nợ V số tiền gốc là 50.000.000 đồng, tổng số tiền Q vay của V là 65.000.000 đồng. Kết quả làm việc V thừa nhận có cho Q vay và thực hiện thu lãi như trình bày nêu trên. Như vậy, có căn cứ kết luận bị can V đã thu tổng số tiền lãi là 22.900.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.254.795 đồng, lãi thu vượt, thu bất hợp pháp là 21.645.205 đồng, bị can V thừa nhận kết quả điều tra trên là đúng.

7. Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1982, ngụ: Số A đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chị K đã vay tiền của V từ ngày 12/9/2023 đến ngày 24/02/2024 với 4 lần vay, tổng số tiền vay là 107.000.000 đồng, (từ ngày 27/9/2023 đến ngày

02/11/2023) vay của Nguyễn Thị Hồng H1 (tên thường gọi là N1) tổng số tiền là 27.000.000 đồng (03 lần vay). Lãi suất vay là 1%/ngày tương đương lãi suất là 365%/năm, số tiền lãi K góp đối với khoản vay của V là 85.400.000 đồng, trong đó lãi được phép thu theo quy định là 4.679.452 đồng, lãi suất thu vượt và thu bất hợp pháp là 80.720.548 đồng, hiện chị K còn nợ số tiền là 107.000.000 đồng. Đối với khoản vay của H1 thì K trình bày đã góp tiền lãi là 38.660.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 2.118.356 đồng, lãi thu vượt và bất hợp pháp là 36.541.644 đồng, hiện K còn nợ H1 số tiền vay là 20.000.000 đồng. K yêu cầu nhận lại số tiền lãi đã góp vượt quá từ việc vay tiền nêu trên.

Kết quả điều tra xác định đối với số tiền K vay của V thì có căn cứ xác định V cho vay với lãi suất là 1%/ngày, tài liệu thu thập được thể hiện V có ghi nhận số tiền K nợ 107.000.000 đồng vào ngày 09/01/2024 và H1 cũng trình bày có nhận 03 lần tiền từ K gửi cho V số tiền là 24.000.000 đồng, V thừa nhận có cho K vay tiền như nội dung trình của K, nhưng V khẳng định chỉ cho K vay tiền chứ H1 không có cho K vay tiền, V cho K vay tiền nhiều lần, lần vay cuối do không có mặt tại nhà nên V có chuẩn bị số tiền là 27.000.000 đồng đưa cho H1 và nói có ai đến nhận tiền thì đưa giúp cho V, trong đó có số tiền 7.000.0000 đồng K mượn để tổ chức sinh nhật.

Đối với nội dung K trình bày về việc có vay tiền của Nguyễn Thị Hồng H1 thì K không cung cấp được các tài liệu thể hiện việc vay tiền của H1; kết quả khám xét nhà V cũng không thu được tài liệu thể hiện H1 cho K vay tiền. Qua làm việc, H1 trình bày không cho K vay tiền, H1 thừa nhận có đưa cho K số tiền là 27.000.000 đồng (không nhớ rõ thời gian cụ thể), do V nhờ giúp gửi K, lúc đưa tiền thì H1 không biết V đưa tiền cho K để làm gì. Nên chưa đủ căn cứ để xử lý H1.

8. Lưu Tố P, sinh năm 1975, ngụ: Số A đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Khoảng tháng 11/2023 P liên hệ trực tiếp với V qua số điện thoại để vay tiền của V, tính đến ngày 12/3/2024 P đã vay của V 08 lần, với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, P không nhớ cụ thể thời gian của từng lần vay, số tiền mỗi lần vay là 10.000.000 đồng, lãi suất là 1%/ngày, tiền vay nhận bằng tiền mặt từ V, hoặc V kêu P đến gặp Nguyễn Thị Hồng H1 để nhận tiền, góp lãi thì P gửi cho V nếu không có V ở nhà thì gửi cho vợ V là H1. Khi vay lần đầu P có viết giấy biên nhận vay tiền đưa cho bị can V, P không giữ bất cứ giấy tờ gì liên quan đến nội dung vay tiền. Hiện P đã trả cho V số tiền vay là 70.000.000 đồng, còn nợ tiền vay là 10.000.000 đồng. Số tiền lãi P đã góp khoảng 38.800.000 đồng, số lãi hợp pháp là 2.126.027 đồng, số tiền lãi góp vượt là 36.673.973 đồng. Hiện P yêu cầu bị can V phải trả lại số tiền lãi đã thu vượt. V thừa nhận có cho P vay số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 07/02/2024, với lãi suất là 1%/ngày, ngày thu 300.000

đồng, đến ngày 11/3/2024 thì P đã trả cho V số tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi đã thu khoảng 10.000.000 đồng. Hiện nay P nợ V 10.000.000 đồng tiền vay.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được và nội dung khai nhận của V chỉ có đủ căn cứ xác định V cho P vay số tiền là 30.000.000 đồng ngày 07/02/2024, lãi thu được là 10.000.000 đồng, tiền lãi được phép thu là 542.466 đồng, số tiền lãi thu bất hợp pháp là 9.457.534 đồng.

9. Nguyễn Huy V1, sinh năm 1976, ngụ: Số A đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

V1 vay tiền của V 02 lần, mỗi lần vay 25.000.000 đồng, lãi suất vay là 1%/ngày, thời gian vay là cuối năm 2023, lần vay thứ 2 vào ngày 24/12/2024, mỗi lần vay V1 gọi điện thoại cho V để hỏi vay tiền, tiền vay thì nhờ K là em ruột của V1 đến nhận trực tiếp tiền mặt từ V và ghi giấy biên nhận vay nợ đưa cho V giữ chứ V1 không giữ bất cứ tài liệu gì liên quan đến việc vay tiền của V. Trong đó (lần vay thứ nhất góp lãi khoảng 35 ngày tương đương số tiền góp là 8.750.000 đồng, lần vay thứ hai góp lãi được 79 ngày tương đương số tiền góp là 39.500.000 đồng). Tổng số tiền đã góp là 48.250.000 đồng, trong đó tiền lãi góp theo quy định là 2.643.836 đồng, số tiền lãi góp vượt quy định là 45.606.164 đồng. Hiện nay V1 còn nợ V số tiền là 50.000.000 đồng.

Bị cáo V đã thừa nhận cho V1 vay 02 lần số tiền từng lần vay là 25.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời gian cho V1 vay thì V chỉ nhớ là vào năm 2024, thời gian cụ thể từng lần vay không nhớ rõ, V cho V1 vay với lãi suất là 1%/ngày, lãi suất đã thu là khoảng 20.000.000 đồng. Hình thức thu là góp tiền mặt do K đến gửi cho V nếu V không có nhà thì V nhờ H1 nhận giúp. Vương không nhớ rõ cụ thể số tiền lãi góp từng lần vay của V1 là bao nhiêu, do khi góp lãi thì K là người góp và góp cho cả Q, góp nhiều lần nên V không theo dõi số tiền góp của từng người. Lần vay thứ nhất cách lần vay thứ hai là 10 ngày.

Căn cứ kết quả điều tra chỉ có đủ căn cứ kết luận V cho V1 vay 02 lần với số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 20.000.000 đồng, số tiền lãi V thu hợp pháp là 1.095.890 đồng tiền lãi thu vượt, thu bất hợp pháp 18.904.110 đồng.

Khoảng thời gian từ tháng 07/2022 đến ngày 12/3/2024 Nguyễn Quốc V đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 09 trường hợp, V thực hiện hành vi cho vay liên tiếp về mặt thời gian với tổng số tiền cho vay là 733.500.000 đồng; số tiền gốc đã thu là 211.000.000 đồng; số tiền vay chưa thu là 522.500.000 đồng; số tiền lãi đã thu là 527.050.000 đồng (trong đó tiền lãi thu hợp pháp là 36.460.276 đồng, tiền lãi thu vượt mức là 490.589.724 đồng), có bảng kê chi tiết kèm theo.

Bản cáo trạng số 83/CT-VKSND.TPVL ngày 05/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Vương về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử đã nêu quan điểm luận tội: Khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V từ 06 đến 09 tháng tù.

Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước đối với khoản tiền bị cáo V dùng để cho vay tổng cộng 733.500.000 đồng. Trong đó: Bị cáo V nộp 211.000.000 đồng, Nguyễn Thị Minh K nộp 107.000.000 đồng, Huỳnh Thị Hồng H4 nộp 24.000.000 đồng, Nguyễn Huy V1 nộp 50.000.000 đồng, Lưu Tổ P nộp 10.000.000 đồng, Huỳnh Ngọc Y1 nộp 131.500.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Q nộp 50.000.000 đồng, Huỳnh Thị Thu T1 nộp 150.000.000 đồng.

Buộc bị cáo V nộp lại tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo V đã thu của người vay là 36.460.276 đồng sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo V trả lại cho những người liên quan khoản tiền thu lợi bất chính 490.589.724 đồng do thu lãi vượt trên mức cho phép cụ thể gồm: Trương Thanh H3 146.034.246 đồng, Nguyễn Trọng Y 17.126.027 đồng, Nguyễn Thị Minh K 80.720.548 đồng, Huỳnh Thị Hồng H4 24.575.342 đồng, Nguyễn Huy V1 18.904.110 đồng, Lưu Tổ P 9.457.534 đồng, Huỳnh Ngọc Y1 11.194.520 đồng, Nguyễn Thị Kim Q 21.645.205 đồng, Huỳnh Thị Thu T1 160.932.192 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ 01 điện thoại Iphone màu xám - xanh, đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu: Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền khắc phục hậu quả; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức. Đây cũng là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện điều trị bệnh và chăm sóc cho gia đình, trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Quốc V đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng của mình đúng như cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố. Bị cáo không tham gia tranh luận, trong phần nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo V khai nhận: Trong thời gian từ tháng 7/2022 đến ngày 12/3/2024 bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 09 người với tổng số tiền cho vay là 733.500.000 đồng, lãi suất từ 0,6% đến 01%/ngày (từ 219% đến 365%/năm), tiền lãi thu được 527.050.000 đồng (trong đó: Tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 36.460.276 đồng và tiền thu lợi bất chính do lãi vượt trên mức cho phép là 490.589.274 đồng).

Bị cáo trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng với lãi suất cho vay là từ 219% đến 365%/năm gấp từ 10,95 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm và số tiền lãi bất chính của bị cáo thu được đối với 09 người vay là 490.589.724 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng người đi vay tiền đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, cần tiền để giải quyết công việc trong cuộc sống, thông qua một giao dịch dân sự để buộc họ phải chịu một mức lãi suất cao vượt mức quy định của Nhà nước là hành vi trái pháp luật, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng thậm chí còn có thể phải bán tài sản, nhà cửa để trả nợ... Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì hám lợi nên đã cố ý phạm tội nhằm mục đích hưởng lợi bất chính. Vì vậy, với hành vi phạm tội này, bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền khắc phục hậu quả; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức (có bệnh lý tâm thần). Đây cũng là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đồng với bị cáo.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo có bệnh lý tâm thần phải uống hàng ngày; trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 12/3/2024 đến ngày 06/6/2024 bị cáo cũng đã nhận thấy được sai lầm mà sửa chữa; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Cần phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật tốt hơn.

Biện pháp tư pháp: Đối với khoản tiền mà bị cáo dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên cần buộc nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền 733.500.000 đồng như sau: Bị cáo nộp lại số tiền 211.000.000 đồng; Nguyễn Thị Minh K nộp số tiền 107.000.000 đồng, Huỳnh Thị Hồng H4 nộp số tiền 24.000.000 đồng, Nguyễn Huy V1 nộp số tiền 50.000.000 đồng, Lưu Tô P nộp số tiền 10.000.000 đồng, Huỳnh Ngọc Y1 nộp số tiền 131.500.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Q nộp số tiền 50.000.000 đồng, Huỳnh Thị Thu T1 nộp số tiền 150.000.000 đồng (đây là tiền nợ gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả lại cho bị cáo)

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 36.460.276 đồng. Đây là khoản tiền thu lợi phát sinh từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo để nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính do lãi vượt trên mức cho phép là 490.589.724 đồng nên buộc bị cáo trả lại cho những người vay cụ thể như sau: Trả cho Trương Thanh H3 146.034.246 đồng, Nguyễn Trọng Y 17.126.027 đồng, Nguyễn Thị Minh K 80.720.548 đồng, Huỳnh Thị Hồng H4 24.575.342 đồng, Nguyễn Huy V1 18.904.110 đồng, Lưu Tô P 9.457.534 đồng, Huỳnh Ngọc Y1 11.194.520 đồng, Nguyễn Thị Kim Q 21.645.205 đồng, Huỳnh Thị Thu T1 160.932.192 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone màu xám - xanh, đã qua sử dụng.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án 18/12/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc V cho Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đồng.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc V nộp lại số tiền cho vay 211.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 30.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003923 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long và 81.515.954 đồng trong tài khoản số 73010001615994 tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh V2 đã được Công an thành phố V phong tỏa để thi hành án. Bị cáo còn phải nộp 99.484.046 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc Nguyễn Thị Minh K nộp số tiền 107.000.000 đồng, Huỳnh Thị Hồng H4 nộp số tiền 24.000.000 đồng, Nguyễn Huy V1 nộp số tiền 50.000.000 đồng, Lưu Tố P nộp số tiền 10.000.000 đồng, Huỳnh Ngọc Y1 nộp số tiền 131.500.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Q nộp số tiền 50.000.000 đồng, Huỳnh Thị Thu T1 nộp số tiền 150.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo V nộp lại tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo V đã thu của người vay là 36.460.276 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo V trả lại cho những người liên quan khoản tiền thu lợi bất chính 490.589.724 đồng do lãi vượt trên mức cho phép gồm: Trương Thanh H3 146.034.246 đồng, Nguyễn Trọng Y 17.126.027 đồng, Nguyễn Thị Minh K 80.720.548 đồng, Huỳnh Thị Hồng H4 24.575.342 đồng, Nguyễn Huy V1 18.904.110 đồng, Lưu Tố P 9.457.534 đồng, Huỳnh Ngọc Y1 11.194.520 đồng, Nguyễn Thị Kim Q 21.645.205 đồng, Huỳnh Thị Thu T1 160.932.192 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/10/2024 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long được xử lý như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone màu xám - xanh, đã qua sử dụng.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục ban hành kèm theo:

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; NLQ;
- Phòng HS - CA TVL;
- TAND tỉnh VL;
- CA TPVL;
- VKSND TPVL;
- VKSND tỉnh VL;
- CCTHADS TPVL;
- Sở Tư pháp tỉnh VL;
- UBND Phường 5, TPVL;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Hải Châu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 ngày 18 tháng 12 năm 2024

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Cường

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

Tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số 79/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Quốc Vương - sinh năm 1984; nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số 112/1A đường Nguyễn Chí Thanh, khóm 1, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Vương 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án 18/12/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc Vương cho Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về các vấn đề khác:

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Vương nộp lại số tiền cho vay 211.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 30.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003923 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long và 81.515.954 đồng trong tài khoản số 73010001615994 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Vĩnh Long đã được Công an thành phố Vĩnh Long phong tỏa để thi hành án. Bị cáo còn phải nộp 99.484.046 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc Nguyễn Thị Minh Khanh nộp số tiền 107.000.000 đồng, Huỳnh Thị Hồng Huế nộp số tiền 24.000.000 đồng, Nguyễn Huy Vũ nộp số tiền 50.000.000 đồng, Lưu Tổ Phương nộp số tiền 10.000.000 đồng, Huỳnh Ngọc Yến nộp số tiền 131.500.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Quyên nộp số tiền 50.000.000 đồng, Huỳnh Thị Thu Thủy nộp số tiền 150.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Vương nộp lại tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo Vương đã thu của người vay là 36.460.276 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Vương trả lại cho những người liên quan khoản tiền thu lợi bất chính 490.589.724 đồng do lãi vượt trên mức cho phép gồm: Trương Thanh Hải 146.034.246 đồng, Nguyễn Trọng Yên 17.126.027 đồng, Nguyễn Thị Minh Khanh 80.720.548 đồng, Huỳnh Thị Hồng Huế 24.575.342 đồng, Nguyễn Huy Vũ 18.904.110 đồng, Lưu Tổ Phương 9.457.534 đồng, Huỳnh Ngọc Yến 11.194.520 đồng, Nguyễn Thị Kim Quyên 21.645.205 đồng, Huỳnh Thị Thu Thủy 160.932.192 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/10/2024 giữa Công an thành phố Vĩnh Long và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long được xử lý như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone màu xám - xanh, đã qua sử dụng.

Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục ban hành kèm theo:

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Vương phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 18 tháng 12 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1.

2.